

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28/3/2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quý.

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 475/2017/TLST-HNGĐ ngày 19/5/2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1977

Thường trú: 74/10A Đường 36, khu phố T, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Bà Nguyễn Thị P có đơn xin vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hùng S, sinh năm 1973

Thường trú: 74/10A Đường 36, khu phố T, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Ông Nguyễn Hùng S vắng mặt

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Dương Thị Xuân H

+ Ông Nguyễn Duy Đ

Thường trú: 17 đường P, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Dương Thị Xuân H và ông Nguyễn Duy Đ có đơn xin vắng mặt.

+ Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H.

Trụ sở: Tầng trệt - Tầng lửng, toà nhà Centec Tower, 72-74 đường N, phường S, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Kha Khải H (Văn bản uỷ quyền số 90/2017/UQHLLB.Coll ngày 24/11/2017)

Ông Kha Khải H có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hoà giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Hùng S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01 ngày 22/01/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

Sau khi kết hôn, bà và ông S chung sống tại địa chỉ 74/10A Đường 36, khu phố T, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận. Từ năm 2014 trở lại đây, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, lối sống. Hiện bà và ông S không còn sống chung với nhau. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng mất lòng tin về vấn đề tài chính. Từ việc mất lòng tin đó mà ông S thường xuyên đánh đập, dùng những lời chửi bới, sỉ nhục bà trước mặt nhiều người. Do bị ức chế nên bà cũng có những hành vi phản kháng, đánh lại ông S. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn ông S.

Về con chung: Bà P và ông S có 01 người con chưa thành niên tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 29/10/2002. Bà đồng ý giao con cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng. Bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà P và ông S có 02 khoản nợ chung, cụ thể: Nợ ông Nguyễn Duy Đ và bà Dương Thị Xuân H số tiền 670.000.000 đồng và 25.000 USD, nợ Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H số tiền tạm tính đến ngày 26/12/2017 là 1,395,512,885 đồng.

* Tại bản tự khai và Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, ông Nguyễn Hùng S trình bày:

Ông và bà P kết hôn với nhau từ năm 2001, đến tháng 10 năm 2002 sinh được người con tên Nguyễn Hoàng N. Ông đề nghị Toà án tạo điều kiện thời gian để vợ chồng ông giải quyết xong nợ nần rồi mới ly hôn. Ông đồng ý ly hôn bà P với điều kiện ông và bà P thoả thuận được hết các vấn đề về tài sản chung

và nợ chung. Liên quan đến việc nuôi con, ông yêu cầu Toà án giải quyết theo nguyện vọng của con. Bản thân ông cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu bà P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Ông và bà P có 02 khoản nợ chung, cụ thể: Nợ ông Nguyễn Duy Đ và bà Dương Thị Xuân H số tiền 670.000.000 đồng và 25.000 USD; nợ Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H số tiền gần 2.000.000.000 đồng.

* Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy Đ và bà Dương Thị Xuân H trình bày:

Ông Đ, bà H có cho ông Sơn, Bà P vay số tiền 670.000.000 đồng và 25.000 USD. Hợp đồng vay không xác định thời hạn vay. Nay ông, bà xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ án, cụ thể là không yêu cầu ông S, bà P phải có nghĩa vụ trả nợ trong vụ án này. Ông, bà sẽ khởi kiện yêu cầu ông Sơn, bà P có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên trong một vụ án khác khi thấy cần thiết.

* Tại bản tự khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H có người đại diện theo uỷ quyền là ông Kha Khải H trình bày:

Ông S, bà P có ký với Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Hong Leong hợp đồng tín dụng số HCM/2013/066/HL/HĐTD ngày 22/4/2013 để vay số tiền 2.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 15 năm. Ngày đáo hạn hợp đồng là 25/4/2028. Để đảm bảo cho khoản vay nói trên, bà P, ông S đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 74/10A Đường 36, khu phố T, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm tính đến ngày 26/12/2016, ông S và bà P còn nợ số tiền là 1.395.512.885.

Ngân hàng xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ án, cụ thể là không yêu cầu bà P, ông S phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trước thời hạn theo hợp đồng. Nếu ông S, bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng sẽ khởi kiện ông S, bà P trong một vụ án khác về tranh chấp hợp đồng cho vay tài sản.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Hùng S. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị P, đồng ý giao con chưa thành niên tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 29/10/2002 cho ông Nguyễn Hùng S được

quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được công khai tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Hùng S có nơi cư trú tại 74/10A Đường 36, khu phố T, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Hùng S đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên toà sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hùng S.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy Đ, bà Dương Thị Xuân H, Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H có người đại diện theo uỷ quyền là ông Kha Khải H có đơn xin vắng mặt, không tham gia phiên toà. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Hùng S tự nguyện đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01 ngày 22/01/2002. Do đó, căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa bà P, ông S là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn ông Nguyễn Hùng S, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp có sự thoả thuận hoặc có lý do chính đáng khác.

Theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện mâu thuẫn gia đình của bà P, ông S đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân làm cho hôn nhân bị đổ vỡ là do cả hai người đều vi phạm trầm trọng nghĩa vụ vợ, chồng, không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc cho nhau,

không còn sống chung với nhau. Ngoài ra, ông Sơn, Bà P còn dùng những lời lẽ chửi bới, xúc phạm và thậm chí còn đánh đập nhau. Việc kéo dài tình trạng hôn nhân trên chỉ gây tổn thương cho nhau và ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất và tinh thần của con chưa thành niên. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chính đáng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về con chung: Theo giấy khai sinh số 88, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên chứng nhận ngày 17/12/2002 thì trẻ Nguyễn Hoàng N là con chung của ông Nguyễn Hùng S và bà Nguyễn Thị P.

Bà P tự nguyện giao con chưa thành niên tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 29/10/2002 cho ông Nguyễn Hùng S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và phải đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện trẻ Nguyễn Hoàng N đang do ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và được đảm bảo phát triển tốt về mọi mặt. Ông Nguyễn Hùng S có nguyện vọng được nuôi con. Trẻ Nguyễn Hoàng N cũng muốn được ở với bố. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận để ông S được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 29/10/2002.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Hùng S về việc không yêu cầu bà Nguyễn Thị P phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà P xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết đối với tài sản chung.

- Về nợ chung: Theo lời khai của bà P, ông S thì ông, bà có 02 khoản nợ chung, cụ thể: Nợ ông Nguyễn Duy Đ và bà Dương Thị Xuân H số tiền 670.000.000 đồng và 25.000 USD; nợ Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H số tiền tạm tính đến ngày 26/12/2017 là 1,395,512,885 đồng.

Do ông Nguyễn Duy Đ, bà Dương Thị Xuân H, Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H không yêu cầu bà Phụng, ông S trả nợ nên Tòa án không xem xét, giải quyết khoản nợ này.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Phụng phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Hùng S.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 29/10/2002 cho ông Nguyễn Hùng S trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Hùng S về việc không yêu cầu bà Nguyễn Thị P phải cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị P xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết đối với tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Hùng S có 02 khoản nợ chung, cụ thể: Nợ ông Nguyễn Duy Đ và bà Dương Thị Xuân H số tiền 670.000.000 đồng và 25.000 USD; nợ Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H số tiền tạm tính đến ngày 26/12/2017 là 1,395,512,885 đồng.

Do ông Nguyễn Duy Đ, bà Dương Thị Xuân H, Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H không yêu cầu bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Hùng S trả nợ nên Tòa án không xem xét, giải quyết khoản nợ này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị P đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015408 ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị P đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Hùng S, ông Nguyễn Duy Đ, bà Dương Thị Xuân H, Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện KSND quận Thủ Đức, Tp.HCM;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức, Tp.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

